



sǐ xùn

死讯

noun · news of someone's death

Example Sentences

Tā tīng dào péng yǒu de sǐ xùn hòu fēi cháng nán guò.
他听到朋友的死讯后非常难过。

He was very sad after hearing the news of his friend's death.

Sǐ xùn chuán lái, zhěng gè cūn zi dōu xiàn rù le bēi tòng zhī zhōng.
死讯传来，整个村子都陷入了悲痛之中。

When the news of the death came, the whole village fell into grief.

Trace each character, then write the word on your own.

死	死	死	死	死	死	死	死	死		
讯	讯	讯	讯	讯	讯	讯	讯	讯		